

# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG TÌM ĐƯỢC VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHOA KINH TẾ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI – KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM

*Nguyễn Thị Vũng*

*Nguyễn Thị Thảo Anh*

Trường Đại học Đồng Nai

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Vũng - Email: nguyenthivungktdn@gmail.com

(Ngày nhận bài: 13/5/2024, ngày nhận bài chỉnh sửa: 29/5/2024, ngày duyệt đăng: 21/6/2024)

## TÓM TẮT

*Việc xác định nhân tố nào ảnh hưởng đến khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp hết sức có ý nghĩa đối với sinh viên nói chung và sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Nai nói riêng. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy dựa trên số liệu được khảo sát từ thông tin của 255 cựu sinh viên đã tốt nghiệp 3 năm gần nhất: 2021, 2022 và 2023 của 2 ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh thuộc Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Nai nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng các nhân tố: Chương trình đào tạo; Kiến thức chuyên môn; Kinh nghiệm làm việc; Kỹ năng mềm; Trình độ công nghệ thông tin và Trình độ ngoại ngữ có ảnh hưởng đến khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên với mức độ ảnh hưởng lần lượt là 0,235; 0,216; 0,175; 0,140; 0,120; 0,102. Kết quả nghiên cứu sẽ là cơ sở để đề xuất các giải pháp nhằm góp phần nâng cao khả năng tìm được việc sau khi tốt nghiệp của sinh viên.*

**Từ khóa:** *Khả năng tìm việc, Trường Đại học Đồng Nai, sinh viên sau khi tốt nghiệp, được tuyển dụng, hướng dẫn nghề nghiệp*

## 1. Giới thiệu

Trường Đại học Đồng Nai với hơn 40 năm hình thành và phát triển, thực hiện sứ mạng: “Đào tạo trình độ đại học, bồi dưỡng ngắn hạn, cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc chuyên nghiệp cho các trường học, các doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động và người học; hợp tác, nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Đồng Nai và khu vực Đông Nam bộ” (Trường Đại học Đồng Nai, 2023, tr. 20). Hằng năm, Nhà trường đã đào tạo và cung ứng hàng ngàn lượt lao động cho các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận,

trong đó với đóng góp không nhỏ là nguồn lực các chuyên viên chuyên ngành kinh tế.

Theo thống kê của Phòng Công tác sinh viên, Trường Đại học Đồng Nai, giai đoạn 2018-2023, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp thuộc hai ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh của Khoa Kinh tế khá cao, trung bình đạt 78,49% (Phòng Công tác sinh viên, 2023). Tuy nhiên, tỷ lệ có việc làm trái ngành chiếm tỷ trọng khá cao (gần 40%). Đây cũng là vấn đề mà Khoa và Nhà trường quan tâm. Xuất phát từ tình hình thực tế trên, nhóm tác giả thực hiện bài viết “Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế,

Trường Đại học Đồng Nai – kết quả nghiên cứu thực nghiệm”.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Mô hình nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

#### 2.1.1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Trên cơ sở tổng quan các tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước, nhóm tác giả đề xuất giả thiết nghiên cứu. Cụ thể như sau:

Giả thuyết H1: Chương trình đào tạo có ảnh hưởng tích cực đến khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Nai.

Giả thuyết H2: Kiến thức chuyên môn có ảnh hưởng tích cực đến khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Nai.

Giả thuyết H3: Trình độ ngoại ngữ có ảnh hưởng tích cực đến khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp của

sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Nai.

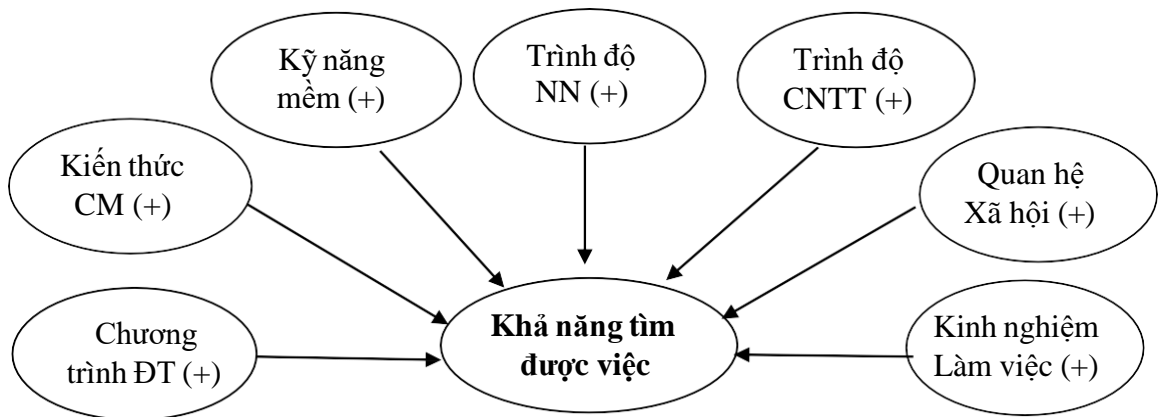
Giả thuyết H4: Trình độ công nghệ thông tin có ảnh hưởng tích cực đến khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Nai.

Giả thuyết H5: Kỹ năng mềm có ảnh hưởng tích cực đến khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Nai.

Giả thuyết H6: Quan hệ xã hội có ảnh hưởng tích cực đến khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Nai.

Giả thuyết H7: Kinh nghiệm làm việc có ảnh hưởng tích cực đến khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Nai.

Mô hình cụ thể ở hình 1.



**Hình 1:** Mô hình nghiên cứu do nhóm tác giả đề xuất

#### 2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sơ bộ: Thực hiện thông qua phương pháp phỏng vấn chuyên gia: Trình bày mô hình nghiên cứu đề xuất với các chuyên gia. Kết quả nghiên

cứ này dùng để khám phá, bổ sung, điều chỉnh các biến của mô hình nghiên cứu và là cơ sở để điều chỉnh thang đo đã được sử dụng ở các nghiên cứu trước do có sự khác biệt về văn hóa, về thời

điểm... từ đó thiết kế chính thức cho nghiên cứu định lượng.

Nghiên cứu chính thức: Bảng câu hỏi khảo sát chính thức được thiết kế với 01 biến phụ thuộc (KNTV), 07 biến độc lập (CTĐT, KTCM, KNM, TĐNN, TĐCNTT, QHXXH và KNLV) với 35 thang đo biến quan sát. Tác giả tiến hành khảo sát 255 cựu sinh viên đã tốt nghiệp của Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Nai thông qua công cụ Google.docs. Sau khi dữ liệu được thu thập, tác giả tiến hành làm sạch dữ liệu và sau đó sử dụng phần mềm SPSS 25 để phân tích nhằm xác định độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach's Alpha,

phân tích nhân tố EFA, phân tích hồi quy. Ngoài ra, nhóm tác giả sử dụng phép kiểm T-Test và ANOVA để đo lường sự khác biệt.

## 2.2. Kết quả nghiên cứu

### 2.2.1. Kiểm định hệ số tin cậy Cronbach Alpha

Nghiên cứu sử dụng hai chỉ số thống kê là (1) Hệ số Cronbach's Alpha để kiểm tra độ tin cậy thang đo và (2) hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item – Total correlation). Điều kiện Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 và hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3.

**Bảng 1: Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo**

Biến quan sát		Tương quan biến - tổng	Cronbach Alpha nếu loại bỏ
<b>Khả năng tìm được việc làm</b>		<b>Cronbach Alpha tổng = 0,840</b>	
KNTV1	Tôi dễ dàng xin được việc làm sau khi tốt nghiệp	0,683	0,794
KNTV2	Việc làm hiện tại của tôi phù hợp với chuyên môn mà tôi được đào tạo	0,695	0,788
KNTV3	Tôi rất thích thú và yêu thích công việc hiện tại	0,697	0,797
KNTV4	Việc làm hiện tại của tôi có mức thu nhập, đãi ngộ như kỳ vọng	0,646	0,809
<b>Chương trình đào tạo</b>		<b>Cronbach Alpha tổng = 0,937</b>	
CTĐT1	Nội dung đào tạo đáp ứng được mục tiêu việc làm của tôi	0,811	0,926
CTĐT2	Chương trình đào tạo cam kết đáp ứng chuẩn đầu ra của người học	0,833	0,922
CTĐT3	Phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học được thiết kế trong CTĐT phân loại được người học	0,873	0,914
CTĐT4	Chương trình đào tạo được phân phối hợp lý	0,845	0,919
CTĐT5	Chương trình đào tạo giúp tôi có nhiều cơ hội trải nghiệm thực tế	0,792	0,929

<b>Biến quan sát</b>		<b>Tương quan biến - tổng</b>	<b>Cronback Alpha nếu loại bỏ</b>
<b>Kiến thức chuyên môn</b>		<b>Cronback Alpha tổng = 0,927</b>	
KTCM1	Tôi tự tin hiểu biết nhiều về công việc	0,772	0,918
KTCM2	Kết quả học tập tốt tại trường đã giúp tôi tăng cơ hội làm hơn các ứng cử viên khác	0,806	0,912
KTCM3	Kiến thức chuyên môn của tôi phù hợp với công việc	0,859	0,901
KTCM4	Những chứng chỉ chuyên môn kèm theo hỗ trợ cho công việc của tôi	0,802	0,912
KTCM5	Chương trình kiến tập, thực tập đã giúp tôi hình dung được công việc thực tế sau khi tốt nghiệp	0,812	0,911
<b>Trình độ ngoại ngữ</b>		<b>Cronback Alpha tổng = 0,944</b>	
TĐNN1	Tôi có khả năng sử dụng ngoại ngữ lưu loát	0,895	0,919
TĐNN2	Trình độ ngoại ngữ của tôi đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại	0,877	0,924
TĐNN3	Việc có chứng chỉ ngoại ngữ chuẩn quốc tế không phải là vấn đề khó với tôi	0,837	0,936
TĐNN4	Thành thạo ngoại ngữ giúp tôi tìm được việc làm dễ dàng hơn so với các ứng tuyển	0,862	0,929
<b>Trình độ công nghệ thông tin</b>		<b>Cronback Alpha tổng = 0,882</b>	
CNTT1	Tôi có khả năng sử dụng thành thạo tin học văn phòng	0,751	0,848
CNTT 2	Phần mềm chuyên ngành không làm khó được tôi	0,783	0,834
CNTT 3	Tôi có khả năng sử dụng thành thạo phần mềm quản lý: quản lý nhân sự, tiền lương...	0,738	0,852
CNTT4	Tôi có đầy đủ các chứng chỉ tin học ứng dụng	0,713	0,860
<b>Kỹ năng mềm</b>		<b>Cronback Alpha tổng = 0,957</b>	
KNM1	Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của tôi là tốt	0,866	0,948
KNM 2	Kỹ năng làm việc nhóm của tôi là tốt	0,873	0,948

<b>Biến quan sát</b>		<b>Tương quan biến - tổng</b>	<b>Cronback Alpha nếu loại bỏ</b>
KNM 3	Kỹ năng thuyết trình của tôi là tốt	0,861	0,949
KNM4	Kỹ năng giải quyết vấn đề của tôi là tốt	0,901	0,946
KNM5	Kỹ năng làm việc độc lập, tự chủ của tôi là tốt	0,790	0,954
KNM6	Kỹ năng sáng tạo và mạo hiểm của tôi là tốt	0,860	0,949
KNM7	Kỹ năng quản lý thời gian của tôi là tốt	0,796	0,954
<b>Quan hệ xã hội</b>		<b>Cronback Alpha tổng = 0,934</b>	
QHXH1	Tôi có mối quen biết trong công ty trước khi vào làm	0,845	0,914
QHXH2	Tôi có sự hỗ trợ của gia đình trong quá trình tìm việc	0,860	0,911
QHXH3	Tôi được bạn bè, người quen giới thiệu trong quá trình tìm việc	0,820	0,919
QHXH4	Tôi được thầy cô, nhà trường giới thiệu đến nơi làm việc	0,811	0,921
QHXH5	Tôi tìm được việc thông qua đơn vị môi giới	0,781	0,926
<b>Kinh nghiệm làm việc</b>		<b>Cronback Alpha tổng = 0,915</b>	
KNLV1	Tôi nhận được nhiều chia sẻ kinh nghiệm từ phía giảng viên	0,782	0,896
KNLV2	Kinh nghiệm của tôi được hình thành từ những lần thực tập, thực tế tại đơn vị	0,810	0,890
KNLV3	Kinh nghiệm làm việc của tôi được hình thành từ công việc làm thêm khi chưa tốt nghiệp	0,758	0,901
KNLV4	Kinh nghiệm làm việc được hình thành từ các lần chia sẻ của các anh/chị cựu sinh viên khoá trước	0,789	0,894
KNLV5	Kinh nghiệm làm việc của tôi được hình thành từ sự chia sẻ của người thân trong gia đình có cùng chuyên môn, tính chất công việc.	0,771	0,898

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ phần mềm SPSS 25)

Kết quả trên bảng 1 cho thấy với thang đo 35 biến quan sát ban đầu, sau khi kiểm định bằng Cronbach's Alpha, tất cả các biến này đều thỏa mãn điều kiện hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 và hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến lớn hơn 0,6. Như vậy, 1 thang đo biến phụ thuộc và 7 thang đo biến độc lập có trong nghiên cứu đều đảm bảo độ tin cậy và tiếp tục đưa vào phân tích nhân tố khám phá EFA.

### 2.2.2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

Sau khi kiểm định thang đo bằng phân tích độ tin cậy Cronbach's Anpha có 07 nhân tố độc lập đạt yêu cầu đưa vào phân tích nhân tố khám phá (EFA)

bằng phép trích Principal Axis Factoring và phép xoay Varimax.

Dựa vào các kết quả thu được từ phân tích EFA, có thể nhận thấy rằng dữ liệu hoàn toàn phù hợp để phân tích nhân tố: KMO = 0,950 nên phân tích nhân tố là phù hợp, Sig (Barlett's Test) = 0,000 < 5% thể hiện các biến thang đo có tương quan nhau trong tổng thể; Eigenvalue = 1,101 cho thấy nhân tố rút ra có ý nghĩa tóm tắt tốt nhất. Tổng phương sai trích: Cho thấy 79,570% sự biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi 7 nhân tố. Hệ số Factor Loading các biến quan sát đều có giá trị lớn hơn 0,6. Kết quả phân tích EFA cho thấy các biến quan sát gồm 35 biến quan sát này hội tụ thành 7 nhân tố.

**Bảng 2: Kết quả phân tích KMO - Bartlett's Test và phương sai trích**

STT	Thước đo	Giá trị	
1	Hệ số KMO	0,950	
2	Kiểm định Bartlett's	Giá trị Chi-Square	858,629
		Bậc tự do	595
		Mức ý nghĩa	<0,001
3	Total Variance Explained	Số nhân tố hình thành	7
		Giá trị Eigenvalue	1,101
		Tổng % phương sai trích	79,570

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ phần mềm SPSS 25)

**Bảng 3: Kết quả phân tích EFA**

STT	Biến quan sát	Nhân tố hình thành						
		1	2	3	4	5	6	7
1	KNM5	0,961						
2	KNM1	0,897						
3	KNM2	0,891						

STT	<i>Biến quan sát</i>	Nhân tố hình thành						
		<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
4	KNM6	0,878						
5	KNM4	0,869						
6	KNM3	0,801						
7	KNM7	0,684						
8	QHXH2		0,965					
9	QHXH1		0,952					
10	QHXH3		0,891					
11	QHXH5		0,844					
12	QHXH4		0,765					
13	KTCM5.			0,908				
14	KTCM3			0,908				
15	KTCM4.			0,880				
16	KTCM1			0,829				
17	KTCM2"			0,795				
18	KNLV3				0,947			
19	KNLV4				0,860			
20	KNLV5				0,824			
21	KNLV2				0,803			
22	KNLV1				0,710			
23	CTĐT4					0,954		
24	CTĐT3					0,936		
25	CTĐT2					0,862		
26	CTĐT5					0,792		
27	CTĐT1"					0,760		
28	TĐNN4						0,936	

STT	Biến quan sát	Nhân tố hình thành						
		1	2	3	4	5	6	7
29	TĐNN1						0,914	
30	TĐNN2						0,891	
31	TĐNN3						0,887	
32	CNTT2							0,890
33	CNTT4							0,854
34	CNTT3							0,852
35	CNTT1							0,789

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ phần mềm SPSS 25)

### 2.2.3. Phân tích hồi quy

Đề mô hình hóa quan hệ tuyến tính, trong đó diễn tả sự thay đổi của biến phụ thuộc Y (Khả năng tìm việc) theo các biến độc lập Xi (Chương trình đào tạo, Kiến thức chuyên môn, Kỹ năng mềm, Trình độ ngoại ngữ, Trình độ công nghệ thông tin, Quan hệ xã hội và Kinh nghiệm làm việc) nghiên cứu sử

dụng mô hình hồi quy tuyến tính có dạng như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \dots + \beta_n X_n + \epsilon$$

Trong đó: Y: biến phụ thuộc, Xi: là các biến độc lập,  $\beta$ : là hệ số diễn tả tung độ gốc (hệ số chặn) của đường hồi quy tổng thể,  $\beta_i$ : là thông số diễn tả độ dốc (hệ số góc) của đường hồi quy tổng thể.

**Bảng 4:** Bảng chỉ tiêu đánh giá độ phù hợp của mô hình

Mô hình	R	R <sup>2</sup>	R <sup>2</sup> hiệu chỉnh	Độ lệch chuẩn	Kiểm định tự tương quan
1	0.820 <sup>a</sup>	0.672	0.663	0.58062859	2.057

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ phần mềm SPSS 25)

Kết quả phân tích hồi quy trên bảng 4 cho thấy: R<sup>2</sup> hiệu chỉnh = 67,2%, nghĩa là 7 biến độc lập Chương trình đào tạo, Kiến thức chuyên môn, Kỹ năng mềm, Trình độ ngoại ngữ, Trình độ công nghệ thông tin, Quan hệ xã hội và Kinh nghiệm làm việc) giải thích 67,2% sự biến động của biến phụ thuộc khả năng tìm việc. Hệ số Durbin – Watson dùng để kiểm định tương quan

chuỗi bậc nhất cho thấy mô hình không vi phạm khi sử dụng phương pháp hồi quy bội vì giá trị Durbin-Watson đạt được là 2,057 (lớn hơn 0 và nhỏ hơn 3) và chấp nhận giả thuyết không có sự tương quan chuỗi bậc nhất trong mô hình.

Như vậy, mô hình hồi quy thỏa mãn các điều kiện cho việc rút ra các kết quả nghiên cứu.



**Bảng 5: Bảng kiểm định độ phù hợp của mô hình**

ANOVA					
Mô hình	Tổng bình phương	Df	Bình phương trung bình	F	Mức ý nghĩa
Hồi quy	170,729	7	24,390	72,346	0,000 <sup>b</sup>
1 Phân dư	83,271	247	0,337		
Tổng	254,000	254			

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ phần mềm SPSS 25)

Kết quả phân tích ANOVA trong bảng 5 cho thấy mức ý nghĩa bằng  $0,001 < 0,05$  có thể kết luận rằng mô hình đưa ra phù hợp với dữ liệu thực tế.

**Bảng 6: Các hệ số hồi quy**

Coefficients								
Mô hình	Hệ số không chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	Giá trị t	Mức ý nghĩa Sig	Thống kê đa cộng tuyến		
	B	Độ lệch chuẩn	Beta			Dung sai	VIF	
(Constant)	-2,508E-17	0,036		0,000	1,000			
KNM	0,140	0,056	0,140	2,520	0,012	0,430	2,325	
QHXH	0,056	0,042	0,056	1,341	0,181	0,761	1,313	
1 KTCM	0,216	0,053	0,216	4,075	0,000	0,474	2,107	
KNLV	0,175	0,051	0,175	3,454	0,001	0,515	1,942	
CTĐT	0,235	0,056	0,235	4,196	0,000	0,424	2,359	
TĐNN	0,102	0,050	0,102	2,052	0,041	0,534	1,872	
CNTT	0,120	0,049	0,120	2,458	0,015	0,553	1,808	

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu từ phần mềm SPSS 25)

Kết quả phân tích theo phần mềm SPSS 25 về các hệ số hồi quy (bảng 6) đã chỉ ra rằng:

Biến số “Chương trình đào tạo” có sig. =  $0,001 < 0,05$ , với giá trị Beta =  $0,235 > 0$ . Nhân tố này tác động mạnh nhất đến khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên. Kết quả này đồng nhất và khẳng định lại các kết quả đã được công bố của các công trình của tác giả Quyết (2017); Farhadi Rad & nnk. (2020); Như và nnk. (2022).

Biến số “Kiến thức chuyên môn” có sig. =  $0,001 < 0,05$ , với giá trị Beta =  $0,216 > 0$ . Đối chiếu kết quả nghiên cứu này với các nghiên cứu trước đây, nhóm

tác giả nhận thấy trong nghiên cứu của Hằng & Trân (2019); Diệp & nnk. (2019), Farhadi Rad và cộng sự (2020); Jayasingha & Suraweera (2020) thì mức độ tác động của nhân tố kiến thức chuyên môn cũng ảnh hưởng đáng kể đến khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên.

Yếu tố “Trình độ ngoại ngữ” có sig. =  $0,041 < 0,05$ , với giá trị Beta =  $0,102 > 0$ . Đối chiếu kết quả nghiên cứu này với các nghiên cứu trước đây tác giả nhận thấy trong nghiên cứu của các tác giả Pandey & Pandey (2014), Jayasingha & Suraweera (2020) nhận định nhân tố trình độ ngoại ngữ có tầm ảnh hưởng

đến khả năng tìm được việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Yếu tố “Trình độ công nghệ thông tin” có sig. = 0,015 < 0,05, với giá trị Beta = 0,120 > 0. Điều này chứng tỏ rằng giả thuyết H4 được chấp nhận. Đối chiếu kết quả nghiên cứu này với các nghiên cứu trước đây, nhóm tác giả nhận thấy trong nghiên cứu của các tác giả Lan & nnk. (2016), Jayasingha & (2020) nhận định nhân tố “Trình độ công nghệ thông tin” có tác động tích cực đến khả năng tìm được việc làm của sinh viên.

Yếu tố “Kỹ năng mềm” có sig. = 0,012 < 0,05, với giá trị Beta = 0,140 > 0. Điều này chứng tỏ rằng giả thuyết H5 được chấp nhận. Đối chiếu với các nghiên cứu trước đây, nhóm tác giả nhận thấy trong các nghiên cứu của các tác giả Vân (2016), Jayasingha & Suraweera (2020) có chung kết luận: kỹ năng mềm có tác động tích cực đến khả năng tìm việc sau khi tốt nghiệp của sinh viên.

Yếu tố “Quan hệ xã hội” có sig. = 0,181 > 0,05, với giá trị Beta = 0,056 > 0. Điều này chứng tỏ rằng giả thuyết H6 không được chấp nhận. Các nghiên cứu của các tác giả: Hằng & Trân (2019), Hà & nnk. (2022), Như & nnk. (2022) có đưa ra kết luận yếu tố này có tác động cùng chiều với biến phụ thuộc. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả lại không có ý nghĩa thống kê.

Yếu tố “Kinh nghiệm làm việc” có sig. = 0,001 < 0,05, với giá trị Beta = 0,175 > 0. Điều này chứng tỏ rằng giả thuyết H7 được chấp nhận. Đối chiếu kết quả nghiên cứu này với các nghiên cứu trước đây, nhóm tác giả nhận thấy

trong các nghiên cứu của các tác giả Quyết (2017), Jayasingha & Suraweera (2020), Hà & nnk. (2022), Như & nnk. (2022) có chung kết luận: Kinh nghiệm làm việc có tác động tích cực đến khả năng tìm việc sau khi tốt nghiệp của sinh viên.

Như vậy, có 6 biến KNM, KTCM, CTĐT, KNLV, TDNN, TDCNTT đảm bảo có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy lớn hơn 95% (Sig. < 0,05), QHXH ảnh đến chuyển đổi số với mức ý nghĩa Sig là 0,181. Trong trường hợp này, kết quả nghiên cứu cho thấy rằng biến quan hệ xã hội có mối quan hệ cùng chiều với biến phụ thuộc khả năng tìm việc, nhưng mối quan hệ này không có ý nghĩa thống kê. Như vậy, khả năng tìm được việc làm của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Nai bị ảnh hưởng và tác động thuận chiều bởi 6 nhân tố, theo mức độ quan trọng từ cao đến thấp dựa vào hệ số beta như sau: Chương trình đào tạo; Kiến thức chuyên môn; Kinh nghiệm làm việc; Kỹ năng mềm; Trình độ công nghệ thông tin và Trình độ ngoại ngữ.

*Mô hình hồi quy có dạng phương trình:*

$$\text{KNTV} = 0,235(\text{CTĐT}) + 0,216(\text{KTCM}) + 0,175(\text{KNLV}) + 0,140(\text{KNM}) + 0,120(\text{CNTT}) + 0,102(\text{TDNN}) + \varepsilon$$

Để gia tăng khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Nai, Nhà trường cần tích cực xây dựng, đánh giá và liên tục cải tiến chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội. Xác định đổi mới, cập nhật các chương trình đào tạo để thích ứng với

công nghệ 4.0 trong kỷ nguyên số và đổi mới sáng tạo là nhu cầu tất yếu đối với Nhà trường.

Trong quá trình đào tạo cần chú trọng đào tạo người học vững chuyên môn, giỏi tay nghề, đảm bảo đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp như đã cam kết, công bố trong chương trình đào tạo.

Bên cạnh việc trang bị kiến thức chuyên môn vững vàng, Nhà trường cần đẩy mạnh trang bị cho người học các kỹ năng mềm cần thiết, đào tạo đa ngành trong đơn ngành cho sinh viên như: kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng tự học tự nghiên cứu để đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người học.

Với sự hội nhập kinh tế như hiện nay, sinh viên các trường nói chung và sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Nai nói riêng, việc học ngoại ngữ cần đạt được mục đích là phục vụ học tập, làm việc, giao tiếp và giải trí lành mạnh. Biết ít nhất một ngoại ngữ sẽ giúp sinh viên nổi bật, dễ dàng nhận được công việc phù hợp với khả năng, trình độ bản thân, việc tìm kiếm thông tin tuyển dụng sẽ mở rộng nhiều vị trí hấp dẫn.

Theo kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả, nhân tố trình độ công nghệ thông tin cũng tác động tích cực đến khả năng tìm việc. Về mặt này, Trường Đại học Đồng Nai luôn xây dựng chuẩn đầu ra về tin học giúp người học cần phải đạt được trình độ tối thiểu về tin học khi ra trường.

Ngoài ra, để sinh viên gia tăng cơ hội thành công khi ứng tuyển, Nhà trường cần tổ chức các lớp huấn luyện chuyên đề, học tập trải nghiệm bổ sung thích ứng trong môi trường công việc thông qua hoạt động ngoại khóa, thực hành mô phỏng, thực tập tại doanh nghiệp... nhằm tạo cơ hội để sinh viên chủ động tìm hiểu nhà tuyển dụng, tự tin thể hiện năng lực, làm chủ cảm xúc, vượt qua các kỳ tuyển dụng gắt gao cũng như không bị ngỡ ngàng khi bắt tay vào công việc. Quá trình thực tập cũng gần giống như quá trình đào tạo cho một nhân viên mới trong doanh nghiệp. Ngoài ra, muốn có thêm kinh nghiệm làm việc ngay khi vẫn còn đang ngồi trên ghế giảng đường đại học thì một công việc làm thêm phù hợp với ngành học hoặc sở thích sẽ giúp ứng viên học hỏi nhiều kinh nghiệm để xử lý tình huống. Những kinh nghiệm này giúp ứng viên tạo ấn tượng tốt trước nhà tuyển dụng.

### 3. Kết luận

Trên cơ sở lý thuyết về khả năng tìm được việc làm, nhóm tác giả đã xây dựng mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Nai. Dựa trên kết quả khảo sát 255 cựu người học 2 ngành Kế toán và Quản trị kinh doanh thuộc Khoa Kinh tế, Trường Đại học Đồng Nai, nhóm tác giả tiến hành phân tích, kiểm định, thống kê và xác định có 6 nhân tố tác động bao gồm: (1) Chương trình đào tạo; (2) Kiến thức chuyên môn; (3) Kinh nghiệm làm việc; (4) Kỹ năng mềm; (5) Trình độ công nghệ thông tin; (6) Trình độ ngoại ngữ. Kết quả nghiên cứu là cơ

sở tin cậy để đề xuất giải pháp nâng cao khả năng, cơ hội tìm được việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, góp phần nâng cao uy tín, chất lượng đào tạo của Khoa Kinh tế nói riêng và Trường Đại học Đồng Nai nói chung.

Bên cạnh kết quả đạt được, nghiên cứu còn một số hạn chế cần bổ sung hoàn thiện trong tương lai. Cụ thể: Số mẫu khảo sát trong nghiên cứu định lượng chính thức là 255, mặc dù đã

được kiểm định đảm bảo độ tin cậy thông qua mô hình nghiên cứu, nhưng cần tăng số mẫu khảo sát nhằm tăng độ tin cậy cho mô hình nghiên cứu. Nghiên cứu chỉ tập trung nghiên cứu một số nhân tố chính tác động đến khả năng tìm việc của sinh viên khi ra trường, còn nhiều nhân tố khác chưa được khám phá. Đây cũng là hướng nghiên cứu tiếp của nhóm tác giả trong tương lai.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Diệp, N. T. N., & nnk. (2019). Các yếu tố tác động đến việc được tuyển dụng của sinh viên ngành Tài chính - Kế toán, Trường Đại học Lạc Hồng. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Lạc Hồng* 2019, 6, 126-131.
- Farhadi, R. H., Parsa, A., & Rajabi, E. (2020). Employability of Iranian Engineering graduates: Influential factors, consequences and strategies. *Journal of Teaching and Learning for Graduate Employability*, 11(1), 110-130.
- Hà, N. T. T. và nnk. (2022). Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tìm kiếm việc làm của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, tháng 4/2022, 105-108.
- Hằng, N. T. D. & Trân, N. M. (2019). Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tìm kiếm việc làm của cựu sinh viên Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh Trường Đại học An Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, Tập 55, Số chuyên đề Kinh tế, 58-66.
- Jayasingha, D. G. M. S. & Suraweera, S. M. B. L. (2020). An Analysis of the Factors Affecting the Graduates' Employability In Case Of Rajarata University of Sri Lanka. *Iconic Research and Engineering Journals*, 3 (12), 10-24.
- Lan, L. P., Phương, C. T. M., & Trinh, N. T. K. (2016). Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng có việc làm của sinh viên Đại học ngoại thương sau khi tốt nghiệp. *Tạp chí Kinh tế đối ngoại*, Số 84 (tháng 5 năm 2016), 1-19.
- Ngọc, Đ. T. N. & nnk. (2021). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến tuyển dụng, việc làm của sinh viên Trường Đại học Cửu Long sau khi tốt nghiệp. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cửu Long*, Số 24-25 (2021), 35-48.
- Như, M. T. Q. & nnk. (2022). Nhân tố ảnh hưởng đến khả năng xin việc thành công của sinh viên Trường Đại học Duy Tân. Truy cập ngày 10/5/2024, từ <https://kketoan.duytan.edu.vn/Home/ArticleDetail/vn/132/3769/bai-viet-th.s-mai-thi-quynh-nhu-cac-nhan-to-anh-huong-den-kha-nang-xin-viec-thanh-cong-cua-sinh-vien>.
- Pandey, M. & Pandey, P. K. (2014). Better English for Better Employment Opportunities, *International Journal of Multidisciplinary Approach and Studies*, Vol. 01, 93-100.

- Phòng Công tác sinh viên – Trường Đại học Đồng Nai. (2023). Báo cáo đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm giai đoạn 2018-2023, ngày 30 tháng 11 năm 2023.
- Quyết, N. (2017). Những nhân tố tác động tới khả năng có việc làm của sinh viên Trường cao đẳng Tài chính Hải Quan sau khi tốt nghiệp: Thực nghiệm bằng mô hình hồi quy sống sót. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Số 142 (tháng 7/2017), 110-113.
- Trường Đại học Đồng Nai. (2023). Nghị quyết số 79/NQ-HĐT ngày 12/01/2023 v/v ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Đồng Nai đến năm 2025 và giai đoạn 2025-2030.
- Vân, N. T. T. (2016). *Phân tích yếu tố tác động đến khả năng có việc làm của sinh viên mới ra trường thuộc Khoa Kinh tế - Luật – Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh* (Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh).

**FACTORS AFFECTING THE ABILITY TO FIND A JOB AFTER  
GRADUATION OF STUDENTS OF THE FACULTY OF ECONOMICS,  
DONG NAI UNIVERSITY - RESULTS OF EXPERIMENTAL RESEARCH**

*Nguyen Thi Vung*

*Nguyen Thi Thao Anh*

Dong Nai University

Corresponding Author: Nguyen Thi Vung - Email: nguyenthivungktdn@gmail.com

(Received: 13/5/2024, Revised: 29/5/2024, Accepted for publication: 21/6/2024)

**ABSTRACT**

*The identification of influential factors impacting post-graduation employability holds profound significance for both the general student populace and specifically for students within the Economics Department at Dong Nai University. This study employed exploratory factor analysis and regression analysis methodologies, drawing upon data obtained from a cohort of 255 recent graduates spanning the years 2021 to 2023 from the Accounting and Business Administration programs at Dong Nai University's Economics Department. Its objective was to discern the key determinants shaping students' prospects for post-graduation employment. The research findings underscore that factors including the caliber of the curriculum, depth of specialized knowledge, accrued work experience, proficiency in soft skills, adeptness in information technology, and fluency in languages exert discernible influences on students' post-graduation employability. Notably, these factors exhibit varying degrees of impact, quantified at 0.235, 0.216, 0.175, 0.140, 0.120, and 0.102, respectively. These empirically derived insights furnish a foundational framework for proposing targeted interventions.*

**Keywords:** *Job-seeking ability, Dong Nai University, recent graduates, recruitment, career guidance*